Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2852.10.90

Mã HS	2852.10.90
Mô tả hàng hóa	Các hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ của thủy ngân, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học, trừ hỗn hống / - Được xác định về mặt hóa học: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 23:48:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/28521090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3754
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3754
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3754
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3740
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3701
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3701
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3701
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3701
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3701
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3701
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3739
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3739

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3739
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3739
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3739
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3739
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3743
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3743
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3743
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3743
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3743
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3743
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3743
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3707
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3703
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3703
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3703
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3703
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3703
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3703
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3703
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3703
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3703
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3703
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3703
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3703
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3750
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3750

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3750
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3750
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3750
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3750
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3747
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3747
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3747
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3747
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3747
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3747
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3755
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3755
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3755
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3755
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3755
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3755
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3726
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3726
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3726
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3726
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3726
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3726
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3728
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3728
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3728
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3728

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3728
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3728
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3726
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3726
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3726
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3726
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3726
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3726
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3726
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3747
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3747
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3747
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3747
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3747
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3747
RCEP B	2022	2022	0	B!D3747
RCEP B	2023	2023	0	B!E3747
RCEP B	2024	2024	0	B!F3747
RCEP B	2025	2025	0	B!G3747
RCEP B	2026	2026	0	B!H3747
RCEP B	2027	2027	0	B!I3747
RCEP C	2022	2022	0	C!D3747
RCEP C	2023	2023	0	C!E3747
RCEP C	2024	2024	0	C!F3747
RCEP C	2025	2025	0	C!G3747
RCEP C	2026	2026	0	C!H3747

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3747
RCEP D	2022	2022	0	D!D3747
RCEP D	2023	2023	0	D!E3747
RCEP D	2024	2024	0	D!F3747
RCEP D	2025	2025	0	D!G3747
RCEP D	2026	2026	0	D!H3747
RCEP D	2027	2027	0	D!I3747
RCEP E	2022	2022	0	E!D3750
RCEP E	2023	2023	0	E!E3750
RCEP E	2024	2024	0	E!F3750
RCEP E	2025	2025	0	E!G3750
RCEP E	2026	2026	0	E!H3750
RCEP E	2027	2027	0	E!I3750
RCEP F	2022	2022	0	F!D3747
RCEP F	2023	2023	0	F!E3747
RCEP F	2024	2024	0	F!F3747
RCEP F	2025	2025	0	F!G3747
RCEP F	2026	2026	0	F!H3747
RCEP F	2027	2027	0	F!I3747
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3434
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3434
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3434
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3434

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Thuốc bảo vệ thực vật cấm SD tại VN (01/2024/TT-BNNPTNT M23)		01/2024/TT-BNNPTNT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2852.10 có 3 dòng thuế; dòng 2852.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2852.10.10 Thủy ngân sulphat; 2852.10.20 Các hợp chất của thủy ngân được dùng như chất phát quang	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2852.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2852.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3754), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc bảo vệ thực vật cấm SD tại VN (01/2024/TT-BNNPTNT M23)
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.